

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **68** /2024/TT-BQP

Hà Nội, ngày **14** tháng **10** năm 2024

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng**

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại và thu hồi Giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, đơn vị quản lý công tác đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại và thu hồi Giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Cơ sở đào tạo lái xe quân sự và cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe cơ giới* gồm xe ô tô (kể cả xe cơ sở là xe ô tô có lắp các trang thiết bị chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo, xe ô tô điện; xe xích; rơ moóc, sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô; xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy (kể cả xe máy điện).

2. *Trọng tải thiết kế của xe ô tô chuyên dùng* là khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế của xe tải cùng kiểu loại hoặc tương đương.

3. *Xe máy chuyên dùng* gồm xe máy chuyên dùng quân sự, xe máy thi công; xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe chuyên dùng khác có tham gia giao thông được trang bị cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

4. *Xe quân sự* gồm xe cơ giới và xe máy chuyên dùng được trang bị cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng vào mục đích quân sự, quốc phòng.

5. *Cơ sở đào tạo lái xe quân sự* là các cơ sở đào tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng có chức năng đào tạo lái xe quân sự.

6. *Giấy phép lái xe quân sự* là Giấy phép lái xe do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ủy quyền cho Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật cấp cho quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân viên chức quốc phòng và người lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng để điều khiển một hoặc một số loại xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ.

7. *Giấy phép lái xe dân sự* là Giấy phép lái xe do cơ quan có thẩm quyền ngoài Quân đội cấp cho người điều khiển xe cơ giới đường bộ.

8. *Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ* (sau đây gọi tắt là chứng chỉ) là Giấy chứng nhận cấp cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tham gia giao thông đường bộ.

9. *Thời gian lái xe* là thời gian người có Giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong giấy phép lái xe.

10. *Số ki-lô-mét (km) lái xe an toàn* là số km mà người có Giấy phép lái xe đã lái loại xe ghi trong Giấy phép lái xe không để xảy ra tai nạn loại A, B.

### **Điều 4. Lưu trữ hồ sơ đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

1. Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật lưu trữ các loại hồ sơ, gồm:

a) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14; điểm a khoản 1 Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 16 Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1; điểm b khoản 2; các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 33 Thông tư này;

d) Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3; điểm a, d, đ khoản 4 Điều 45 Thông tư này;

đ) Hồ sơ quy định tại các điểm a, c khoản 2 Điều 46 Thông tư này.

2. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng lưu trữ các loại hồ, gồm:

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

b) Hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 45 Thông tư này;

d) Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 46 Thông tư này.

3. Cơ sở đào tạo lái xe quân sự lưu trữ các loại hồ sơ, gồm:

a) Hồ sơ quy định tại Điều 10 Thông tư này;

b) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại các khoản 1, 2 Điều 33 Thông tư này.

#### **Điều 5. Giấy phép lái xe quân sự**

1. Giấy phép lái xe quân sự, được phân hạng theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đồng thời phù hợp với đặc thù quân sự của phương tiện cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng. Giấy phép lái xe quân sự, gồm:

a) Hạng A1 cấp cho người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến  $125\text{ cm}^3$  hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW;

b) Hạng A cấp cho người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên  $125\text{ cm}^3$  hoặc có công suất động cơ điện trên 11kW và các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng A1;

c) Hạng B1 cấp cho người điều khiển xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng A1;

d) Hạng B cấp cho người điều khiển các loại xe ô tô chở người đến 08 chỗ ngồi (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng B có kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

đ) Hạng C1 cấp cho người điều khiển các loại xe ô tô vận tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng B;

e) Hạng C cấp cho người điều khiển các loại xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định



cho Giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng B và hạng C1;

g) Hạng D1 cấp cho người điều khiển xe ô tô chở người trên 8 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho Giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng B, C1, C;

h) Hạng D2 cấp cho người điều khiển xe ô tô chở người từ trên 16 đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho Giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng B, C1, C, D1;

i) Hạng D cấp cho người điều khiển xe ô tô chở người từ trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); các loại xe ô tô chở người quy định cho Giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe quân sự hạng B, C1, C, D1, D2;

k) Hạng C1E cấp cho người điều khiển các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

l) Hạng CE cấp cho người điều khiển các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc;

m) Hạng CX cấp cho người đã có Giấy phép lái xe quân sự hạng C để điều khiển xe xích kéo vũ khí, khí tài quân sự.

2. Người điều khiển xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ phải sử dụng giấy phép lái xe có hạng phù hợp với xe ô tô tải và ô tô chở người tương ứng.

3. Người điều khiển xe ô tô có thiết kế, cải tạo với số chỗ ngồi ít hơn ô tô cùng loại, kích thước giới hạn tương đương phải sử dụng giấy phép lái xe có hạng phù hợp với ô tô cùng loại, kích thước giới hạn tương đương và có số chỗ ngồi nhiều nhất.

## **Điều 6. Mẫu và thời hạn Giấy phép lái xe quân sự**

### **1. Mẫu Giấy phép lái xe quân sự**

a) Giấy phép lái xe quân sự thực hiện theo quy định tại Mẫu số 08 kèm theo Thông tư này;

b) Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm quản lý việc sử dụng Giấy phép lái xe quân sự thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

### **2. Thời hạn sử dụng Giấy phép lái xe quân sự**

- a) Giấy phép lái xe quân sự hạng A1, A, B1 là không thời hạn;
  - b) Giấy phép lái xe quân sự các hạng B, C1, C, D1, D2, D, C1E, CE, CX có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;
  - c) Trường hợp cấp, đổi do lý do khác thời hạn theo thời hạn ghi trên Giấy phép lái xe quân sự.
3. Giấy phép lái xe quân sự không có hiệu lực trong các trường hợp sau:
- a) Giấy phép lái xe quân sự hết thời hạn sử dụng được ghi trên Giấy phép lái xe;
  - b) Giấy phép lái xe quân sự bị trừ hết điểm theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này;
  - c) Giấy phép lái xe quân sự có Quyết định thu hồi theo khoản 1 Điều 47 Thông tư này.

### **Điều 7. Điểm của Giấy phép lái xe quân sự**

1. Điểm của Giấy phép lái xe quân sự gồm 12 điểm theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được dùng để quản lý việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người lái xe. Số điểm trừ mỗi lần tùy theo tính chất, mức độ vi phạm theo quy định của pháp luật. Giấy phép lái xe chưa bị trừ hết điểm và không bị trừ điểm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bị trừ điểm gần nhất thì được phục hồi đủ 12 điểm.
2. Trường hợp Giấy phép lái xe quân sự bị trừ hết điểm, sau thời hạn ít nhất 06 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm, người có Giấy phép lái xe quân sự bị trừ hết điểm được tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tổ chức tại cơ sở đào tạo lái xe quân sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 41 Thông tư này, nếu kết quả đạt yêu cầu được phục hồi đủ 12 điểm.
3. Điểm của Giấy phép lái xe quân sự đổi, cấp lại, đào tạo nâng hạng được giữ nguyên như trước khi đổi, cấp lại, đào tạo nâng hạng.

### **Điều 8. Độ tuổi của người được cấp Giấy phép lái xe quân sự**

1. Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng đủ 18 tuổi trở lên được cấp Giấy phép lái xe quân sự hạng A1, A, B1, B, C1, C.
  2. Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng đủ 24 tuổi trở lên được cấp Giấy phép lái xe quân sự hạng D1, D2, C1E, CE, CX.
- Các trường hợp đào tạo chuyển tiếp từ hạng C lên hạng CE hoặc CX theo chỉ tiêu của Bộ Tổng Tham mưu, đủ 19 tuổi trở lên.
3. Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng đủ 27 tuổi trở lên được cấp Giấy phép lái xe quân sự hạng D. Độ tuổi tối đa của người được cấp Giấy phép lái xe quân sự hạng D là đủ 57 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ.

## Chương II ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ

### Mục I NGƯỜI HỌC

#### **Điều 9. Điều kiện đối với người học lái xe quân sự**

1. Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng có đủ các điều kiện: Tiêu chuẩn về tuổi đời, thời gian công tác, sức khỏe, trình độ văn hóa, phẩm chất chính trị theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Đối với lao động hợp đồng: Chỉ đào tạo nâng hạng khi có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này.

2. Đối với người học nâng hạng Giấy phép lái xe quân sự phải có thời gian lái xe và số km lái xe an toàn như sau:

a) Từ hạng B lên hạng C1; hạng C1 lên hạng C, C1E; hạng C lên hạng D1, CE, CX; hạng D1 lên hạng D2; hạng D2 lên hạng D: Có thời gian lái xe 02 năm trở lên và 30.000 km lái xe an toàn trở lên (trừ các trường hợp đào tạo chuyển tiếp từ hạng C lên hạng CE hoặc CX theo chỉ tiêu của Bộ Tổng Tham mưu);

b) Từ hạng B lên hạng C, D1; hạng C1 lên D1; hạng C lên hạng D2; hạng D1 lên hạng D: Có thời gian lái xe 03 năm trở lên và có 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

c) Từ hạng B lên hạng D2, từ hạng C1 lên hạng D2, từ hạng C lên hạng D: Có thời gian lái xe 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

3. Đối với người học nâng hạng Giấy phép lái xe quân sự lên hạng D1, D2, D ngoài các quy định tại các khoản 1, 2 Điều này phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.

#### **Điều 10. Hồ sơ đào tạo lái xe**

1. Hạng A1, A, gồm:

a) Kế hoạch huấn luyện lái xe mô tô quân sự hạng A1, A (kèm theo danh sách học viên) của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Mẫu số 13 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Đơn đề nghị học và sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự của cá nhân có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao Căn cước công dân (căn cước) và bản sao một trong các loại giấy tờ sau: Giấy chứng minh quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, quyết định nhập ngũ, tuyển dụng, phiếu quân nhân, thẻ học viên, quyết định thăng, phong quân hàm, nâng lương gần nhất còn hiệu lực;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định do quân y cấp trung đoàn và tương đương trở lên xác nhận theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

đ) Hai ảnh màu cỡ 2 x 3 cm (ảnh chụp trên nền màu xanh; quân nhân mặc

quân phục thường dùng; công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng mặc đồng phục; đeo biển tên theo quy định, không đội mũ).

2. Hạng B1, B, C1, C, gồm:

a) Kế hoạch đào tạo lái xe quân sự hạng B1, B, C1, C (kèm theo danh sách học viên) của cơ sở đào tạo;

b) Bản sao quyết định giao chỉ tiêu đào tạo nhân viên kỹ thuật sơ cấp của Tổng Tham mưu trưởng đối với trường hợp đào tạo theo chỉ tiêu nhiệm vụ; văn bản đề nghị đào tạo lái xe của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng đối với trường hợp gửi đào tạo;

c) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều này;

3. Đào tạo nâng hạng Giấy phép lái xe quân sự

Ngoài hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này phải bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Bản khai thời gian lái xe và số km lái xe an toàn quy định cho từng hạng xe có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Giấy phép lái xe quân sự đang sử dụng.

## **Mục II**

### **CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ**

#### **Điều 11. Nhiệm vụ của cơ sở đào tạo lái xe quân sự**

1. Tổ chức đào tạo lái xe các hạng theo đúng nội dung chương trình quy định. Tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng tham gia giao thông.

2. Tổ chức thi và cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp cho học viên trừ đối tượng đào tạo lái xe hạng A1, A, B1. Quản lý, lưu trữ hồ sơ đào tạo theo quy định.

3. Thường xuyên hoàn thiện và nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện kỹ thuật; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật và trình độ sư phạm cho đội ngũ giáo viên để nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Thực hiện chế độ sinh hoạt, quản lý, rèn luyện học viên theo Quy chế quản lý học viên quân sự trong nhà trường Quân đội, Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

5. Thực hiện sơ kết, tổng kết, báo cáo nghiệp vụ, đề nghị tổ chức sát hạch lái xe quân sự theo hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên.

## **Điều 12. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất**

### **1. Hệ thống phòng học**

- a) Phòng học lý thuyết: Diện tích tối thiểu 1,5 m<sup>2</sup>/01 học viên, đầy đủ bàn ghế, trang thiết bị học tập, ánh sáng, vệ sinh môi trường theo tiêu chuẩn quy định;
- b) Phòng học pháp luật giao thông đường bộ: Có đủ tranh vẽ, hệ thống báo hiệu giao thông đường bộ, sa hình và thiết bị phục vụ giảng dạy;
- c) Phòng học chuyên dùng cấu tạo ô tô, nghiệp vụ và kỹ thuật lái: Bảo đảm đủ mô hình học cụ, tranh vẽ, thiết bị mô phỏng, bảng biểu và các trang thiết bị dùng cho dạy học theo quy định, phù hợp với chương trình đào tạo.

### **2. Xưởng thực hành bảo dưỡng - sửa chữa ô tô**

- a) Có đủ diện tích cho học viên học tập, diện tích phải đảm bảo tối thiểu 35 m<sup>2</sup>/01 xe huấn luyện; bảo đảm đầy đủ ánh sáng, thông gió, vệ sinh môi trường, an toàn lao động theo tiêu chuẩn quy định;
- b) Có đầy đủ các chi tiết, cụm tổng thành, xe huấn luyện, dụng cụ chuyên dùng sửa chữa ô tô cho học viên thực tập; đảm bảo 08 đến 10 học viên/01 xe huấn luyện, mỗi xe có 01 bộ dụng cụ chuyên dùng;
- c) Có đủ bàn, ghế, bàn tháo lắp (bàn công tác), bảng dùng cho giảng dạy, học tập.

### **3. Sân bãi tập lái**

- a) Có đủ sân bãi phục vụ cho học tập và sát hạch lái xe;
- b) Bãi tập lái hình có diện tích tối thiểu để bố trí các tuyến hình quy định cho từng hạng xe đào tạo;
- c) Bãi tổng hợp có đủ tuyến hình, diện tích cần thiết để bố trí các tình huống liên hoàn theo tiêu chuẩn quy định.

### **4. Xe tập lái**

- a) Thuộc nhóm xe huấn luyện, biên chế của cơ sở đào tạo, tương ứng với từng hạng xe được phép đào tạo, đã đăng ký, gắn biển số quân sự;
- b) Có đủ điều kiện lưu hành theo quy định và có thiết bị hỗ trợ phanh chính cho giáo viên sử dụng, bố trí tại vị trí ngồi của giáo viên, kết cấu chắc chắn, thuận tiện, an toàn, bảo đảm hiệu quả phanh theo quy định;
- c) Xe vận tải sử dụng để dạy lái xe: Thùng xe phải có mui che mưa, nắng và có ghế ngồi cho học viên bảo đảm chắc chắn được gắn vào thùng xe;
- d) Có giấy phép xe tập lái, biển xe tập lái do Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật cấp.

- 5. Đường tập lái là đường giao thông công cộng, có đủ hệ thống biển báo hiệu, các tín hiệu giao thông cơ bản theo quy định, được đăng ký và ghi trên

giấy phép xe tập lái. Các tuyến đường phù hợp với địa hình quân sự trong điều kiện tác chiến, hành quân dã ngoại.

#### **6. Giáo trình, tài liệu, sổ sách nghiệp vụ**

a) Có đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy các môn học theo chương trình đào tạo đối với từng hạng xe; tài liệu hướng dẫn ôn luyện, kiểm tra, thi, sát hạch lái xe và các tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập;

b) Có đủ hệ thống sổ sách, mẫu biểu phục vụ quản lý giảng dạy, học tập của giáo viên, học viên theo quy định.

### **Điều 13. Tiêu chuẩn giáo viên**

1. Tiêu chuẩn chung: Giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng được tiêu chuẩn đối với giáo viên dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành Luật hoặc Công nghệ ô tô hoặc các chuyên ngành có nội dung về công nghệ ô tô từ 30% trở lên. Giáo viên dạy pháp luật giao thông đường bộ phải có Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn.

3. Giáo viên dạy kỹ thuật lái xe, thực hành lái xe phải có Giấy phép lái xe quân sự tương đương hoặc cao hơn hạng xe đào tạo; có thời gian lái xe từ 03 năm trở lên; đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe và được cấp giấy phép dạy lái xe.

### **Điều 14. Cấp giấy phép xe tập lái**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xe tập lái, gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo lái xe quân sự;

b) Bản sao quyết định phân nhóm xe huấn luyện (trường hợp cấp giấy phép lần đầu), bản sao giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô quân sự còn hiệu lực.

2. Trình tự thực hiện

a) Khi xe tập lái có đủ tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 Điều 12 Thông tư này, cơ sở đào tạo lái xe quân sự có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, gửi về Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật qua mạng truyền số liệu quân sự hoặc gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm thẩm định, cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục I kèm theo Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện cấp, phải thông báo cho cơ sở đào tạo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc cấp đổi giấy phép xe tập lái trong trường hợp hết hạn sử dụng, sai thông tin trên giấy phép xe tập lái hoặc bị hỏng; cơ sở đào tạo gửi văn bản đề

ngộ kèm theo bản sao giấy phép xe tập lái về Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật để giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Thời hạn sử dụng được ghi trên giấy phép xe tập lái.

### **Điều 15. Cấp giấy phép dạy lái xe**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép dạy lái xe, gồm:

- a) Văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo lái xe quân sự;
- b) Hồ sơ cá nhân gồm: Bản sao Quyết định công nhận giáo viên của thủ trưởng cơ sở đào tạo; bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề dạy trình độ sơ cấp (trường hợp cấp lần đầu);

c) 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

2. Trình tự thực hiện

a) Cơ sở đào tạo gửi văn bản đề nghị cấp giấy phép dạy lái xe cho giáo viên có đủ tiêu chuẩn (theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và 01 bộ hồ sơ cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) về Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật qua mạng truyền số liệu quân sự hoặc gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép dạy lái xe theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện cấp, phải thông báo cho cơ sở đào tạo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Việc cấp đổi giấy phép dạy lái xe, cá nhân làm đơn đề nghị đổi có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và 02 ảnh màu (theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này) gửi đến cơ sở đào tạo. Trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thời hạn sử dụng được ghi trên giấy phép dạy lái xe.

### **Điều 16. Cấp biển “Tập lái”**

1. Điều kiện, hồ sơ cấp biển “Tập lái”

a) Điều kiện: Xe tập lái phải đủ tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 Điều 12 Thông tư này;

b) Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị cấp biển “Tập lái” kèm theo danh sách xe đề nghị cấp biển.

2. Trình tự thực hiện

a) Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ (quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) gửi về Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật qua mạng truyền số liệu quân sự hoặc gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp biển “Tập lái”. Trường hợp không đủ điều kiện cấp, phải thông báo cho cơ sở đào tạo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Mục III**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE QUÂN SỰ**

#### **Điều 17. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn về tuổi đời, thời gian công tác, sức khỏe, trình độ văn hóa, phẩm chất chính trị theo quy định của Bộ Quốc phòng trở thành người lái xe quân sự có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

#### **Điều 18. Yêu cầu đào tạo**

##### **1. Về chính trị đạo đức**

a) Phẩm chất chính trị tốt, trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước. Chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội;

b) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, trung thực, có tinh thần đoàn kết tốt, yêu ngành, yêu nghề. Thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của người lái xe trong Quân đội.

##### **2. Về quân sự, giáo dục thể chất**

a) Thực hiện tốt Điều lệnh quản lý bộ đội, Điều lệnh đội ngũ, có tác phong chính quy;

b) Có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

##### **3. Về chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật**

a) Nắm được tác dụng, cấu tạo và nguyên lý làm việc của các cụm, hệ thống chính trên xe mô tô, ô tô thông dụng và một số quy định, chế độ trong Điều lệ Công tác kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam;

b) Nắm chắc nội dung, quy trình và yêu cầu kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên, nắm được một số nội dung bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng xe mới, niêm cất xe quân sự;

c) Chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về giao thông đường bộ;

d) Xử lý được một số tình huống trong hành quân, trú quân.

##### **4. Về kỹ năng thực hành**

a) Điều khiển được các loại xe quy định trong Giấy phép lái xe quân sự trên mọi điều kiện giao thông khác nhau bảo đảm an toàn và hiệu quả; lái xe an toàn trên địa hình quân sự, kỹ năng thực hành cứu kéo trong các tình huống chiến đấu; thực hiện công việc nguy trang bảo vệ xe - máy;

b) Thành thạo bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa những hư hỏng thông thường của các loại xe thông dụng; thực hiện được một số nội dung bảo dưỡng định kỳ và các loại bảo dưỡng khác theo quy định.

### **Điều 19. Tổ chức, hình thức đào tạo**

1. Đào tạo lái xe hạng A1, A: Do cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức tại các đơn vị hoặc tại các cơ sở đào tạo lái xe thuộc cấp mình quản lý.

2. Đào tạo lái xe các hạng B1, B, C1, C1E, C, CE, CX, D1, D2, D: Được đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo lái xe quân sự.

3. Đào tạo lái xe hạng C1E, CE, CX, D1, D2, D: Phải được đào tạo theo hình thức nâng hạng.

4. Người có Giấy phép lái xe dân sự được tuyển dụng vào các cơ quan, đơn vị quân đội để thực hiện nhiệm vụ lái xe quân sự phải hoàn thành chương trình huấn luyện chuyển loại lái xe quân sự trước khi làm thủ tục đổi Giấy phép lái xe.

### **Điều 20. Chương trình đào tạo lái xe mô tô các hạng**

1. Thời gian đào tạo

- a) Hạng A1: 48 giờ;
- b) Hạng A: 78 giờ;
- c) Hạng B1: 186 giờ.

2. Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                               | Đơn vị tính | Hạng GPLX |           |            |
|----|----------------------------------------|-------------|-----------|-----------|------------|
|    |                                        |             | A1        | A         | B1         |
| 1  | Cấu tạo mô tô                          | Giờ         | -         | -         | 18         |
| 2  | Bảo dưỡng, sửa chữa                    | Giờ         | -         | -         | 18         |
| 3  | Sử dụng xe và nghiệp vụ                | Giờ         | -         | -         | 06         |
| 4  | Pháp luật về giao thông đường bộ       | Giờ         | 24        | 24        | 42         |
| 5  | Kỹ thuật lái xe                        | Giờ         | 12        | 42        | 90         |
|    | - Số giờ học thực hành lái xe/học viên | Giờ         | -         | -         | 18         |
|    | - Số km thực hành lái xe/ học viên     | Km          | -         | -         | 270        |
| 6  | Ôn và sát hạch lái xe quân sự          | Giờ/khóa    | 12        | 12        | 12         |
|    | <b>Tổng cộng</b>                       | <b>Giờ</b>  | <b>48</b> | <b>78</b> | <b>186</b> |

### **Điều 21. Chương trình đào tạo lái xe ô tô hạng B, C1, C**

1. Hạng B

- a) Thời gian đào tạo: 370 giờ;
- b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                                | ĐVT        | Phân bổ thời gian |            |            |
|----|-----------------------------------------|------------|-------------------|------------|------------|
|    |                                         |            | +                 | LT         | TH         |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn             | Giờ        |                   |            |            |
| 2  | Quân sự, giáo dục thể chất              | Giờ        |                   |            |            |
| 3  | Cấu tạo ô tô                            | Giờ        | 30                | 24         | 06         |
| 4  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô                | Giờ        | 36                | 06         | 30         |
| 5  | Sử dụng xe và nghiệp vụ                 | Giờ        | 12                | 12         | -          |
| 6  | Pháp luật về giao thông đường bộ        | Giờ        | 88                | 70         | 18         |
| 7  | Kỹ thuật lái xe                         | Giờ        | 180               | 16         | 164        |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên   | Giờ        | 45                | 04         | 41         |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái             | HV         | 08                |            |            |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái/01 buổi tập | HV         | 04                |            |            |
|    | - Số km thực hành lái xe/01 học viên    | Km         | 800               |            | 800        |
|    | <b>Cộng</b>                             | <b>Giờ</b> | <b>346</b>        | <b>128</b> | <b>218</b> |
| 8  | Ôn và thi tốt nghiệp nghề               | Giờ        | 12                |            |            |
| 9  | Ôn và sát hạch lái xe                   | Giờ        | 12                |            |            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Giờ</b> | <b>370</b>        |            |            |
| 10 | Số ngày thực học/khóa                   | Ngày       | 64                |            |            |
| 11 | Thời gian cho các hoạt động khác        | Ngày       | 30                |            |            |
| 12 | Thời gian toàn khóa học                 | Ngày       | 94                |            |            |

## 2. Hạng C1

a) Thời gian đào tạo: 635 giờ;

b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                         | ĐVT | Phân bổ thời gian |    |    |
|----|----------------------------------|-----|-------------------|----|----|
|    |                                  |     | +                 | LT | TH |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn      | Giờ | 53                | 53 | -  |
| 2  | Quân sự, giáo dục thể chất       | Giờ | 24                | 04 | 20 |
| 3  | Cấu tạo ô tô                     | Giờ | 72                | 54 | 18 |
| 4  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô         | Giờ | 78                | 18 | 60 |
| 5  | Sử dụng xe và nghiệp vụ          | Giờ | 24                | 22 | 02 |
| 6  | Pháp luật về giao thông đường bộ | Giờ | 88                | 70 | 18 |

| TT | Nội dung                                | ĐVT        | Phân bổ thời gian |            |            |
|----|-----------------------------------------|------------|-------------------|------------|------------|
|    |                                         |            | +                 | LT         | TH         |
| 7  | Kỹ thuật lái xe                         | Giờ        | 260               | 16         | 244        |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên   | Giờ        | 65                | 04         | 61         |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái             | HV         | 08                |            |            |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái/01 buổi tập | HV         | 04                |            |            |
|    | - Số km thực hành lái xe/01 học viên    | Km         | 975               |            | 975        |
|    | <b>Cộng</b>                             | <b>Giờ</b> | <b>599</b>        | <b>237</b> | <b>362</b> |
| 8  | Ôn và thi tốt nghiệp nghề               | Giờ        | 18                |            |            |
| 9  | Ôn và sát hạch lái xe                   | Giờ        | 18                |            |            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Giờ</b> | <b>635</b>        |            |            |
| 10 | Số ngày thực học/khóa                   | Ngày       | 90                |            |            |
| 11 | Thời gian cho các hoạt động khác        | Ngày       | 50                |            |            |
| 12 | Thời gian toàn khóa học                 | Ngày       | 140               |            |            |

### 3. Hạng C

a) Thời gian đào tạo: 695 giờ;

b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                                | ĐVT        | Phân bổ thời gian |            |            |
|----|-----------------------------------------|------------|-------------------|------------|------------|
|    |                                         |            | +                 | LT         | TH         |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn             | Giờ        | 53                | 53         | -          |
| 2  | Quân sự, giáo dục thể chất              | Giờ        | 24                | 04         | 20         |
| 3  | Cấu tạo ô tô                            | Giờ        | 72                | 54         | 18         |
| 4  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô                | Giờ        | 78                | 18         | 60         |
| 5  | Sử dụng xe và nghiệp vụ                 | Giờ        | 24                | 22         | 02         |
| 6  | Pháp luật về giao thông đường bộ        | Giờ        | 88                | 70         | 18         |
| 7  | Kỹ thuật lái xe                         | Giờ        | 320               | 16         | 304        |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên   | Giờ        | 80                | 04         | 76         |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái             | HV         | 08                |            |            |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái/01 buổi tập | HV         | 04                |            |            |
|    | - Số km thực hành lái xe/01 học viên    | Km         | 1200              |            | 1200       |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Giờ</b> | <b>659</b>        | <b>237</b> | <b>422</b> |

| TT | Nội dung                         | ĐVT        | Phân bổ thời gian |    |    |
|----|----------------------------------|------------|-------------------|----|----|
|    |                                  |            | +                 | LT | TH |
| 8  | Ôn và thi tốt nghiệp nghề        | Giờ        | 18                |    |    |
| 9  | Ôn và sát hạch lái xe            | Giờ        | 18                |    |    |
|    | <b>Tổng cộng</b>                 | <b>Giờ</b> | <b>695</b>        |    |    |
| 10 | Số ngày thực học/khóa            | Ngày       | 113               |    |    |
| 11 | Thời gian cho các hoạt động khác | Ngày       | 60                |    |    |
| 12 | Thời gian toàn khóa học          | Ngày       | 173               |    |    |

**Điều 22. Chương trình đào tạo nâng hạng**

1. Nâng hạng B lên C1, C1 lên C, C lên D1, D1 lên D2, D2 lên D

a) Thời gian đào tạo: 167 giờ;

b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                              | ĐVT        | Phân bổ thời gian |           |           |
|----|---------------------------------------|------------|-------------------|-----------|-----------|
|    |                                       |            | +                 | LT        | TH        |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn           | Giờ        | 12                | 12        |           |
| 2  | Pháp luật về giao thông đường bộ      | Giờ        | 36                | 32        | 04        |
| 3  | Cấu tạo ô tô                          | Giờ        | 12                | 06        | 06        |
| 4  | Sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải       | Giờ        | 06                | 06        |           |
| 5  | Bảo dưỡng sửa chữa                    | Giờ        | 12                | 02        | 10        |
| 6  | Kỹ thuật lái xe                       | Giờ        | 65                | 05        | 60        |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên | Giờ        | 13                | 01        | 12        |
|    | - Số km thực hành lái xe/01 học viên  | Km         | 260               |           |           |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái           | HV         | 10                |           |           |
|    | - Số học viên/01 bán đội              | HV         | 05                |           |           |
|    | <b>Cộng</b>                           | <b>Giờ</b> | <b>143</b>        | <b>63</b> | <b>80</b> |
| 7  | Ôn và thi kết thúc khóa học           | Giờ        | 12                |           |           |
| 8  | Ôn và sát hạch lái xe                 | Giờ        | 12                |           |           |
|    | <b>Tổng cộng</b>                      | <b>Giờ</b> | <b>167</b>        |           |           |
| 9  | Số ngày thực học/01 khóa học          | Ngày       | 24                |           |           |
| 10 | Các hoạt động khác                    | Ngày       | 10                |           |           |
| 11 | Thời gian toàn khóa học               | Ngày       | 34                |           |           |

2. Nâng hạng từ hạng B lên C, D1; hạng C1 lên D1; hạng C lên D2, CE; hạng D1 lên D

a) Thời gian đào tạo: 227 giờ;

b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                                | ĐVT        | Phân bổ thời gian |           |            |
|----|-----------------------------------------|------------|-------------------|-----------|------------|
|    |                                         |            | +                 | LT        | TH         |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn             | Giờ        | 12                | 12        |            |
| 2  | Pháp luật về giao thông đường bộ        | Giờ        | 36                | 32        | 04         |
| 3  | Cấu tạo ô tô                            | Giờ        | 18                | 6         | 12         |
| 4  | Sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải         | Giờ        | 6                 | 6         |            |
| 5  | Bảo dưỡng sửa chữa                      | Giờ        | 24                | 3         | 21         |
| 6  | Kỹ thuật lái xe                         | Giờ        | 95                | 5         | 90         |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên   | Giờ        | 19                | 1         | 18         |
|    | - Số km thực hành lái xe/01 học viên    | Km         | 380               |           |            |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái             | HV         | 10                |           |            |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái/01 buổi tập | HV         | 05                |           |            |
|    | <b>Cộng</b>                             | <b>Giờ</b> | <b>191</b>        | <b>64</b> | <b>127</b> |
| 7  | Ôn và thi tốt nghiệp nghề               | Giờ        | 18                |           |            |
| 8  | Ôn và sát hạch lái xe                   | Giờ        | 18                |           |            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Giờ</b> | <b>227</b>        |           |            |
| 9  | Số ngày thực học/01 khóa học            | Ngày       | 36                |           |            |
| 10 | Các hoạt động khác                      | Ngày       | 16                |           |            |
| 11 | Thời gian toàn khóa học                 | Ngày       | 52                |           |            |

3. Nâng hạng B lên D2, C1 lên D2, C lên D

a) Thời gian đào tạo: 252 giờ;

b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                              | ĐVT | Phân bổ thời gian |    |     |
|----|---------------------------------------|-----|-------------------|----|-----|
|    |                                       |     | +                 | LT | TH  |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn           | Giờ | 12                | 12 |     |
| 2  | Pháp luật về giao thông đường bộ      | Giờ | 36                | 32 | 4   |
| 3  | Cấu tạo ô tô                          | Giờ | 18                | 12 | 6   |
| 4  | Sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải       | Giờ | 06                | 6  |     |
| 5  | Bảo dưỡng sửa chữa                    | Giờ | 24                | 3  | 21  |
| 6  | Kỹ thuật lái xe                       | Giờ | 120               | 5  | 115 |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên | Giờ | 24                | 1  | 23  |
|    | - Số km thực hành lái xe/01 học viên  | Km  | 480               |    |     |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái           | HV  | 10                |    |     |

| TT | Nội dung                                | ĐVT        | Phân bổ thời gian |           |            |
|----|-----------------------------------------|------------|-------------------|-----------|------------|
|    |                                         |            | +                 | LT        | TH         |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái/01 buổi tập | HV         | 05                |           |            |
|    | <b>Cộng</b>                             | <b>Giờ</b> | <b>216</b>        | <b>70</b> | <b>146</b> |
| 7  | Ôn và thi tốt nghiệp nghề               | Giờ        | 18                |           |            |
| 8  | Ôn và sát hạch lái xe                   | Giờ        | 18                |           |            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Giờ</b> | <b>252</b>        |           |            |
| 9  | Số ngày thực học/01 khóa học            | Ngày       | 44                |           |            |
| 10 | Các hoạt động khác                      | Ngày       | 18                |           |            |
| 11 | Thời gian toàn khóa học                 | Ngày       | 62                |           |            |

#### 4. Nâng hạng C lên CX

a) Thời gian đào tạo: 251 giờ;

b) Nội dung và phân bổ thời gian đào tạo

| TT | Nội dung                                | ĐVT        | Phân bổ thời gian |           |            |
|----|-----------------------------------------|------------|-------------------|-----------|------------|
|    |                                         |            | +                 | LT        | TH         |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn             | Giờ        | 12                | 12        |            |
| 2  | Pháp luật về giao thông đường bộ        | Giờ        | 36                | 32        | 04         |
| 3  | Cấu tạo xe xích                         | Giờ        | 30                | 18        | 12         |
| 4  | Sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải         | Giờ        | 06                | 06        |            |
| 5  | Bảo dưỡng sửa chữa                      | Giờ        | 36                | 6         | 30         |
| 6  | Kỹ thuật lái xe                         | Giờ        | 95                | 5         | 90         |
|    | - Số giờ thực hành lái xe/01 học viên   | Giờ        | 19                | 1         | 18         |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái             | HV         | 10                |           |            |
|    | - Số học viên/01 xe tập lái/01 buổi tập | HV         | 05                |           |            |
|    | <b>Cộng</b>                             | <b>Giờ</b> | <b>215</b>        | <b>79</b> | <b>136</b> |
| 7  | Ôn và thi tốt nghiệp nghề               | Giờ        | 18                |           |            |
| 8  | Ôn và sát hạch lái xe                   | Giờ        | 18                |           |            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Giờ</b> | <b>251</b>        |           |            |
| 9  | Số ngày thực học/01 khóa học            | Ngày       | 33                |           |            |
| 10 | Các hoạt động khác                      | Ngày       | 17                |           |            |
| 11 | Thời gian toàn khóa học                 | Ngày       | 50                |           |            |

**Điều 23. Chương trình huấn luyện chuyển loại Giấy phép lái xe dân sự sang Giấy phép lái xe quân sự**

|    | NỘI DUNG                              | ĐVT  | Thời gian |    |    |               |    |    |
|----|---------------------------------------|------|-----------|----|----|---------------|----|----|
|    |                                       |      | Hạng B    |    |    | Các hạng khác |    |    |
|    |                                       |      | Cộng      | LT | TH | Cộng          | LT | TH |
| 1  | Khoa học xã hội và nhân văn           | Giờ  | 06        | 06 |    | 12            | 12 |    |
| 2  | Cấu tạo ô tô                          | Giờ  | 06        | 06 |    | 12            | 12 |    |
| 3  | Bảo dưỡng - sửa chữa                  | Giờ  | 12        | 02 | 10 | 18            | 02 | 16 |
| 4  | Sử dụng xe và nghiệp vụ               | Giờ  | 06        | 05 | 01 | 06            | 05 | 1  |
| 5  | Pháp luật về giao thông đường bộ      | Giờ  | 06        | 04 | 02 | 12            | 08 | 04 |
| 6  | Kỹ thuật lái xe trên địa hình quân sự | Giờ  | 12        | 02 | 10 | 30            | 02 | 28 |
| 7  | Ôn, kiểm tra                          | Giờ  | 06        | 02 | 04 | 06            | 02 | 04 |
| 8  | Số ngày thực học/khóa học             | Ngày | 10        |    |    | 16            |    |    |
| 9  | Các hoạt động khác                    | Ngày | 5         |    |    | 08            |    |    |
| 10 | Thời gian toàn khóa học               | Ngày | 15        |    |    | 24            |    |    |

**Điều 24. Kiểm tra công tác đào tạo lái xe**

1. Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật tổ chức kiểm tra theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất công tác đào tạo lái xe.

2. Nội dung kiểm tra

a) Việc thực hiện kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo;

b) Chất lượng, điều kiện an toàn phương tiện xe - máy dạy lái xe; sân bãi tập lái xe; hệ thống tài liệu, giáo trình, giáo án, bài giảng; công tác bảo đảm cho đào tạo lái xe;

c) Việc thực hiện các chế độ, quy định theo Điều lệ công tác kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam; hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên;

d) Hồ sơ, lưu trữ hồ sơ đào tạo lái xe;

đ) Chất lượng đào tạo, đội ngũ giáo viên dạy lái xe, công tác quản lý, rèn luyện học viên.

3. Thành phần đoàn kiểm tra

Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật quyết định thành lập đoàn kiểm tra công tác đào tạo lái xe quân sự, gồm:

a) Trưởng đoàn: Thủ trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật hoặc Thủ trưởng cơ quan Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật được ủy quyền;

b) Các thành viên là Thủ trưởng, trợ lý cơ quan Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật; Thủ trưởng, trợ lý huấn luyện cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị có cơ sở đào tạo.

3. Đoàn kiểm tra thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra cho cơ sở đào tạo và cấp trên trực tiếp của cơ sở đào tạo lái xe.

### **Chương III**

## **SÁT HẠCH, CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ**

### **Mục I**

## **SÁT HẠCH LÁI XE**

### **Điều 25. Hội đồng sát hạch lái xe**

1. Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật quyết định thành lập Hội đồng sát hạch lái xe quân sự (sau đây viết gọn là Hội đồng), Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được sử dụng con dấu theo chức danh của cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ.

2. Hội đồng làm việc phải có ít nhất hai phần ba số thành viên tham dự, quyết định theo đa số, trường hợp các thành viên trong Hội đồng có ý kiến ngang nhau thì thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng.

#### **3. Thành phần Hội đồng**

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật hoặc Thủ trưởng cơ quan chức năng theo dõi, chỉ đạo công tác đào tạo, huấn luyện lái xe quân sự, có kiến thức về đào tạo, sát hạch lái xe, được Thủ trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật ủy quyền; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội đồng và kết quả của kỳ sát hạch.

b) Phó chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe hoặc Thủ trưởng cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải của đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Các ủy viên là Thủ trưởng, cán bộ cơ sở đào tạo lái xe; Thủ trưởng, trợ lý huấn luyện cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị; ủy viên Thư ký là trợ lý huấn luyện Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có Giấy phép lái xe quân sự.

#### **4. Nhiệm vụ, quyền hạn**

a) Xét duyệt và công nhận danh sách thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch; xét miễn từng nội dung sát hạch đối với các thí sinh đủ điều kiện theo quy định;

b) Quyết định thành phần Thư ký, Tổ sát hạch, công tác phục vụ và đảm bảo cho kỳ sát hạch;

c) Quyết định kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch sát hạch bảo đảm chất lượng, hiệu quả; chỉ đạo, kiểm tra và yêu cầu hoàn thiện các điều kiện tổ chức kỳ sát hạch;

d) Tổ chức khai mạc, quán triệt quy định trong kỳ sát hạch;

đ) Xem xét, đề nghị hình thức kỷ luật đối với người vi phạm các quy định và kỷ luật trong sát hạch;

e) Giải quyết các đề nghị, khiếu nại, tố cáo trong kỳ sát hạch (nếu có);

g) Xem xét, đánh giá, công nhận kết quả sát hạch, báo cáo và đề nghị Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật phê duyệt.

### **Điều 26. Thư ký Hội đồng**

1. Thư ký Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định, số lượng từ 01 đến 03 người phù hợp với từng kỳ sát hạch.

#### **2. Nhiệm vụ**

a) Chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, danh sách thí sinh dự sát hạch, tài liệu, văn bản, mẫu biểu liên quan phục vụ các phiên họp của Hội đồng và kỳ sát hạch;

b) Chủ trì, phối hợp với sát hạch viên được phân công sát hạch ở từng nội dung, kiểm tra các điều kiện bảo đảm cho sát hạch;

c) Theo dõi việc chấp hành kế hoạch, quy định, kỷ luật và các mặt đảm bảo cho kỳ sát hạch;

d) Tổng hợp, báo cáo Hội đồng về diễn biến và kết quả kỳ sát hạch, hoàn thiện các biên bản, báo cáo sát hạch lái xe theo quy định.

### **Điều 27. Tổ sát hạch**

1. Số lượng và thành phần Tổ sát hạch do Chủ tịch Hội đồng quyết định, bảo đảm đủ các điều kiện, phù hợp với từng kỳ sát hạch.

#### **2. Tiêu chuẩn sát hạch viên**

a) Sát hạch viên là cán bộ Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật; cán bộ cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị; cán bộ, giáo viên các cơ sở đào tạo lái xe;

b) Có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt;

c) Có Giấy phép lái xe quân sự; sát hạch thực hành lái xe phải có Giấy phép lái xe quân sự cao hơn hoặc tương ứng với hạng xe sát hạch và có thời gian lái xe từ 03 năm trở lên.

#### **3. Nhiệm vụ, quyền hạn**

a) Kiểm tra các điều kiện bảo đảm cho kỳ sát hạch theo nhiệm vụ;

b) Chấp hành nghiêm các quy định trong sát hạch và kỷ luật Quân đội;

c) Thực hiện nhiệm vụ sát hạch theo kế hoạch, bảo đảm khách quan, trung thực, chính xác; đánh giá kết quả của thí sinh và chịu trách nhiệm trước Hội đồng về kết quả sát hạch;

d) Đề nghị Hội đồng xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với thí sinh vi phạm quy định trong sát hạch.

### **Điều 28. Công tác phục vụ và bảo đảm cho kỳ sát hạch**

1. Cơ sở đào tạo lái xe quân sự chịu trách nhiệm tổ chức phục vụ và bảo đảm đầy đủ các mặt cho kỳ sát hạch theo kế hoạch.

2. Yêu cầu đối với công tác phục vụ

a) Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các mặt bảo đảm đối với từng nội dung sát hạch theo yêu cầu của Hội đồng;

b) Tổ chức bảo vệ, đảm bảo an toàn cho từng địa điểm sát hạch.

### **Điều 29. Quy trình tổ chức sát hạch**

1. Phiên họp thứ nhất của Hội đồng: Xét, công nhận thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch; quyết định thành phần thư ký, Tổ sát hạch, kế hoạch sát hạch; phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng.

2. Họp Tổ sát hạch phổ biến kế hoạch sát hạch, phân công nhiệm vụ các thành viên Tổ sát hạch.

3. Kiểm tra các mặt công tác chuẩn bị cho sát hạch.

4. Khai mạc kỳ sát hạch, công bố các quyết định của kỳ sát hạch, quán triệt các quy định trong kỳ sát hạch, nhiệm vụ của các thành phần tham gia.

5. Tổ chức sát hạch các nội dung theo kế hoạch.

6. Tổng hợp kết quả sát hạch.

7. Phiên họp thứ hai của Hội đồng: Xét, công nhận kết quả sát hạch và tổ chức rút kinh nghiệm kỳ sát hạch.

8. Hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả và cấp Giấy phép lái xe quân sự theo quy định tại Thông tư này.

### **Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong sát hạch**

1. Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

a) Xây dựng, ban hành hệ thống văn bản về quản lý sát hạch lái xe quân sự; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quân, bảo đảm đúng quy định;

b) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký sát hạch, thẩm định và xác nhận điều kiện dự sát hạch, tổ chức sát hạch;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và kiểm tra phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất, các mặt đảm bảo cho sát hạch;

d) Chỉ đạo cơ sở đào tạo triển khai, thực hiện sát hạch; tiếp nhận, huấn luyện, sát hạch cấp lại Giấy phép lái xe quân sự;

đ) Hiệp đồng với các cơ quan, đơn vị cử cán bộ tham gia Hội đồng và Tổ sát hạch lái xe;

e) Quyết định thành lập Hội đồng;

g) Quản lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định;

h) Tổng hợp, báo cáo nội dung kỳ sát hạch. Nghiên cứu, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả công tác sát hạch.

2. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở đào tạo trực thuộc thực hiện đúng nội dung, chương trình đào tạo, huấn luyện, sát hạch lái xe quân sự;

b) Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đăng ký sát hạch, sát hạch cấp lại Giấy phép lái xe quân sự;

c) Phân công cán bộ tham gia Hội đồng, Tổ sát hạch lái xe theo hiệp đồng của Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

### **Điều 31. Điều kiện dự sát hạch lái xe**

1. Hạng A1, A

a) Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng;

b) Có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

c) Hoàn thành nội dung huấn luyện theo chương trình quy định, được cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải, đơn vị huấn luyện hoặc cơ sở đào tạo lái xe quân sự đề nghị sát hạch lái xe.

2. Các hạng khác

a) Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng được đào tạo theo chỉ tiêu của Bộ Tổng Tham mưu hoặc do các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi đào tạo;

b) Hoàn thành chương trình đào tạo lái xe quân sự theo quy định cho từng hạng đào tạo, được cấp chứng chỉ nghề hoặc chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo;

c) Có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 10 Thông tư này; được cơ sở đào tạo lái xe quân sự lập danh sách đề nghị sát hạch lái xe.

### **Điều 32. Sát hạch cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

1. Các trường hợp phải sát hạch lý thuyết

a) Giấy phép lái xe quân sự quá thời hạn từ 03 tháng đến dưới 12 tháng;

b) Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn, bị mất từ 03 tháng đến dưới 12 tháng, có đủ hồ sơ theo quy định, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ;

c) Giấy phép lái xe quân sự bị trừ hết điểm.

2. Các trường hợp phải sát hạch cả lý thuyết và thực hành lái xe

a) Giấy phép lái xe quân sự quá thời hạn từ 12 tháng trở lên;

b) Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn, bị mất từ 12 tháng trở lên, có đủ hồ sơ theo quy định, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ;

c) Giấy phép lái xe quân sự bị trừ hết điểm từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày Giấy phép lái xe quân sự bị trừ hết điểm) mà không tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

### **Điều 33. Hồ sơ sát hạch lái xe**

#### **1. Sát hạch lái xe lần đầu**

Ngoài hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 10 Thông tư này phải bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Quyết định cấp chứng chỉ sơ cấp nghề hoặc chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo đối với đào tạo lái xe ô tô và mô tô hạng B1;

b) Văn bản báo cáo kết quả đào tạo (huấn luyện) và đề nghị thành lập Hội đồng của cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải, đơn vị huấn luyện hoặc cơ sở đào tạo lái xe quân sự (có danh sách thí sinh kèm theo).

#### **2. Sát hạch nâng hạng**

Ngoài hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư này phải bổ sung các giấy tờ như sau:

a) Quyết định cấp chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nâng hạng;

b) Văn bản báo cáo kết quả đào tạo và đề nghị thành lập Hội đồng của cơ sở đào tạo lái xe quân sự (có danh sách thí sinh kèm theo).

#### **3. Sát hạch để cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

a) Văn bản đề nghị sát hạch, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự (có danh sách kèm theo) của cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Đơn đề nghị sát hạch, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự của cá nhân có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

d) Bản tường trình của cá nhân có xác nhận của cơ quan Công an, chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn hoặc tương đương trở lên đối với trường hợp bị mất Giấy phép lái xe quân sự;

đ) Bản chính Giấy phép lái xe quân sự đối với trường hợp quá hạn.

### **Điều 34. Nội dung sát hạch lái xe hạng A1, A**

1. Lý thuyết: Các văn bản pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định về sử dụng xe mô tô hai bánh của Bộ Quốc phòng.

2. Thực hành lái xe: Lái xe trong hình số 8, số 3, hạn chế chiều ngang, hạn chế chiều cao và tránh chướng ngại vật.

### **Điều 35. Nội dung sát hạch lái xe mô tô hạng B1**

1. Lý thuyết: Các văn bản pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định nghiệp vụ của ngành xe - máy Quân đội đối với xe mô tô ba bánh.

2. Lái xe trong bãi tổng hợp qua các tình huống như sau: Hạn chế chiều ngang; hạn chế chiều cao; đường hầm; đường vòng trên bãi chên; cầu vệt; đường ngầm; đường chữ chi; vòng số 8; vượt hố bom; dừng xe và khởi hành ngang dốc.

### **Điều 36. Nội dung sát hạch lái xe ô tô các hạng B, C1, C**

1. Lý thuyết: Các văn bản pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; cấu tạo ô tô; sử dụng xe và nghiệp vụ vận tải; kỹ thuật lái xe.

2. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô (sát hạch lái xe hạng C1, C)

a) Lý thuyết bảo dưỡng, sửa chữa;

b) Thực hành bảo dưỡng thường xuyên, một số nội dung bảo dưỡng định kì cấp 1, bảo dưỡng một số chi tiết, cụm chi tiết;

c) Thực hành sửa chữa một số hư hỏng thông thường.

3. Thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước, một trong các tuyến hình như sau:

a) Lái xe tiến, lùi trong hình chữ chi và quay đầu trong sân hẹp, ghép vào nhà xe;

b) Lái xe tiến, lùi trong hình số 8 và đi qua vệt bánh xe.

4. Thực hành lái xe trên đường giao thông có mật độ giao thông trung bình.

5. Thực hành lái xe trên bãi tổng hợp theo tuyến sát hạch từ 1,5 km đến 2,5 km có bố trí các tình huống như sau:

a) Thao tác cơ bản khi khởi hành xe (xuất phát);

b) Ghép xe hàng dọc;

c) Tăng, giảm số xuống dốc;

d) Giảm số lên dốc;

đ) Dừng xe đúng đích và khởi hành ngang dốc;

e) Giảm số tắt;

g) Qua đường giao nhau có tín hiệu điều khiển giao thông; qua đường ngang (qua đường tàu hỏa) không có điều khiển giao thông;

h) Qua đường vòng gấp;

i) Lùi xe vào hầm;

k) Qua cầu vệt;

l) Đưa xe về vị trí tập kết (kết thúc).

### **Điều 37. Nội dung sát hạch lái xe hạng D1, D2, D**

1. Lý thuyết: Các văn bản pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; cấu tạo ô tô; sử dụng xe và nghiệp vụ; kỹ thuật lái xe.

2. Thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước, một trong các tuyến hình như sau:

a) Lái xe tiến, lùi trong hình tròn; ghép xe 90 độ (ghép xe hàng ngang) và đi qua vệt bánh xe;

b) Lái xe tiến, lùi trong hình chữ chi; ghép xe hàng dọc và đi qua vệt bánh xe.

3. Thực hành lái xe trên tuyến tổng hợp bao gồm các tình huống:

a) Thao tác cơ bản khi khởi hành xe (xuất phát);

b) Tăng, giảm số xuống dốc;

c) Giảm số lên dốc;

d) Dừng xe đúng đích và khởi hành ngang dốc;

đ) Giảm số tắt;

e) Qua đường giao nhau có tín hiệu điều khiển giao thông; qua đường ngang (qua đường tàu hỏa) không có điều khiển giao thông;

g) Đưa xe về vị trí tập kết (kết thúc).

4. Thực hành lái xe trên đường có mật độ giao thông trung bình.

### **Điều 38. Nội dung sát hạch lái xe hạng CE**

1. Lý thuyết: Các văn bản pháp luật về trật tự an, toàn giao thông đường bộ; cấu tạo ô tô; sử dụng xe và nghiệp vụ; kỹ thuật lái xe.

2. Thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước qua các tuyến hình như sau:

a) Lái xe ô tô kéo rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng rơ moóc tiến lùi cọc; tiến vào công sự, trận địa, hầm pháo 2 cửa; tháo rơ moóc (khí tài quân sự) ra khỏi xe và lùi xe vào hầm nổi rơ moóc (khí tài quân sự) với xe kéo;

b) Lái xe ô tô đầu kéo, kéo sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc tiến, lùi thẳng trong hình hạn chế kích thước;

c) Lái xe ô tô đầu kéo, kéo sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc ghép vào nơi đỗ xe (ghép xe 90°).

3. Thực hành lái xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc hoặc khí tài quân sự trên đường có mật độ giao thông trung bình.

### **Điều 39. Nội dung sát hạch lái xe hạng CX**

1. Lý thuyết: Các văn bản pháp luật về trật tự an, toàn giao thông đường bộ; cấu tạo xe xích; sử dụng xe và nghiệp vụ; kỹ thuật lái xe xích.

2. Thực hành lái xe xích có kéo và không có kéo trên bãi tổng hợp

a) Lái xe xích không kéo pháo, khí tài quân sự: Các thao tác cơ bản trước khi khởi hành xe; lái xe vượt hào; ụ cao; hố bom; lên xuống tàu hỏa; qua đường hẹp và lùi vào hầm pháo;

b) Lái xe xích kéo pháo, khí tài quân sự: Xuống dốc; lên dốc; dừng xe và khởi hành ngang dốc; tiến vào hầm pháo 2 cửa; dừng xe đúng vị trí trong hầm pháo, cắt pháo, tiến ra khỏi hầm, lùi vào hầm móc pháo vào xe kéo; qua đường nghiêng; đường ngầm; đường vòng hẹp.

#### **Điều 40. Phương pháp sát hạch**

##### **1. Sát hạch lý thuyết**

a) Thực hiện bài sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc trên giấy theo câu hỏi của Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;

b) Miễn nội dung sát hạch lý thuyết đối với trường hợp người dự sát hạch mô tô hạng A1, A đã có Giấy phép lái xe ô tô; đào tạo chuyển tiếp từ hạng C lên hạng CE hoặc hạng CX.

##### **2. Sát hạch bảo dưỡng, sửa chữa (sát hạch lái xe hạng C1, C)**

a) Bố trí 02 sát hạch viên, chấm điểm độc lập đối với từng thí sinh;

b) Lý thuyết bảo dưỡng, sửa chữa trả lời vấn đáp;

c) Thực hành nội dung bảo dưỡng hoặc sửa chữa những hư hỏng thông thường trên nhãn xe đã học;

d) Miễn nội dung sát hạch bảo dưỡng, sửa chữa cho các thí sinh đã tốt nghiệp hoặc đang là học viên đào tạo chuyên ngành vận tải, xe - máy quân sự có thời gian đào tạo từ 12 tháng trở lên.

##### **3. Sát hạch thực hành lái xe trong hình hạn chế kích thước**

a) Thí sinh thực hành lái xe trong tuyến hình quy định cho từng hạng;

b) Xe sát hạch là xe cùng hạng với xe được đào tạo; thí sinh được bố trí vào sát hạch trên một xe bất kỳ trong số xe đã đăng ký với Hội đồng;

c) Mỗi tuyến hình bố trí 02 sát hạch viên, chấm điểm độc lập hoặc chấm điểm bằng hệ thống chấm điểm điện tử (nếu có).

##### **4. Sát hạch thực hành lái xe trong bãi tổng hợp**

a) Thí sinh thực hành lái xe độc lập trong tuyến sát hạch được kết cấu sẵn cho từng hạng xe, có đủ tình huống quy định;

b) Xe sát hạch thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Tại mỗi tình huống sát hạch bố trí 01 sát hạch viên chấm điểm hoặc chấm điểm bằng hệ thống chấm điểm điện tử (nếu có).

##### **5. Sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông**

a) Xe sát hạch phải có biển "Xe sát hạch" treo ở phía trước và phía sau xe;

b) Thí sinh độc lập thực hành các nội dung sát hạch trên đoạn đường do Hội đồng xác định, phù hợp với điều kiện thực tế tại thời điểm sát hạch;

c) Trên mỗi xe bố trí 01 sát hạch viên chấm và chịu trách nhiệm bảo hiểm, đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

6. Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo lái xe quân sự bảo đảm đủ cơ sở vật chất, thao trường, bãi tập phục vụ cho đào tạo, sát hạch lái xe.

#### **Điều 41. Phương pháp đánh giá kết quả**

1. Sát hạch lý thuyết: Đánh giá kết quả đạt hoặc không đạt theo số câu trả lời đúng quy định cho từng hạng xe.

2. Sát hạch bảo dưỡng, sửa chữa

a) Đánh giá theo thang điểm 10, điểm sát hạch do từng sát hạch viên chấm là điểm cộng của hai phần lý thuyết và thực hành (có tính hệ số cho từng nội dung); điểm của thí sinh là trung bình cộng điểm của hai sát hạch viên chấm;

b) Thí sinh đạt từ 05 điểm trở lên là đạt yêu cầu, dưới 05 điểm là không đạt yêu cầu.

3. Sát hạch thực hành lái xe

a) Đánh giá theo thang điểm 100, thí sinh được 80 điểm trở lên là đạt yêu cầu, dưới 80 điểm là không đạt yêu cầu;

b) Điểm sát hạch thực hành lái xe là điểm chuẩn trừ đi tổng số điểm phải trừ do các lỗi vi phạm.

4. Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xây dựng đề thi, đáp án, thang điểm và hướng dẫn phương pháp chấm điểm cụ thể cho từng nội dung sát hạch.

#### **Điều 42. Xét công nhận kết quả**

1. Hội đồng xét, công nhận kết quả sát hạch và hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật cấp Giấy phép lái xe quân sự đối với các thí sinh sát hạch đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Thông tư này.

2. Thí sinh không đạt yêu cầu được sát hạch lại một lần, sau 07 ngày làm việc tính từ khi kết thúc kỳ sát hạch. Chỉ sát hạch lại nội dung không đạt yêu cầu, nội dung sát hạch đã đạt yêu cầu được bảo lưu. Thí sinh được bảo lưu một lần, thời hạn không quá 12 tháng đối với kết quả sát hạch đã đạt yêu cầu.

#### **Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở đào tạo trong kỳ sát hạch**

1. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, phòng học, nhà xưởng, trang bị xe - máy, sân bãi, tuyến đường sát hạch và các mặt bảo đảm khác cho kỳ sát hạch theo yêu cầu của Hội đồng.

2. Bảo đảm an toàn về mọi mặt cho kỳ sát hạch.

3. Lưu trữ hồ sơ của kỳ sát hạch.

4. Phân công cán bộ tham gia Hội đồng, Tổ sát hạch.

## **Mục II**

### **CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ**

#### **Điều 44. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp mới Giấy phép lái xe quân sự**

1. Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật quyết định cấp Giấy phép lái xe quân sự cho thí sinh đạt yêu cầu trong kỳ sát hạch.

2. Hồ sơ cấp Giấy phép lái xe quân sự thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và bổ sung các giấy tờ như sau:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Quyết định thành lập Ban thư ký, Tổ sát hạch, công nhận thí sinh đủ điều kiện dự sát hạch;
- c) Biên bản họp của Hội đồng;
- d) Danh sách thí sinh đạt yêu cầu trong kỳ sát hạch đã được Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật phê duyệt;
- đ) Văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp, đổi Giấy phép lái xe quân sự (kèm theo danh sách đề nghị cấp Giấy phép lái xe quân sự).

#### **3. Trình tự thực hiện**

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc kỳ sát hạch, cơ sở đào tạo lái xe quân sự lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều này gửi đến Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật qua mạng truyền số liệu quân sự hoặc gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật có trách nhiệm thẩm định, bổ sung đầy đủ hồ sơ; phê duyệt danh sách và cấp Giấy phép lái xe quân sự cho các thí sinh đạt yêu cầu trong kỳ sát hạch theo quy định.

#### **Điều 45. Trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy phép lái xe quân sự**

##### **1. Điều kiện cấp đổi Giấy phép lái xe quân sự**

a) Người có Giấy phép lái xe quân sự trước khi hết thời hạn 03 tháng phải làm đơn đề nghị cấp đổi;

b) Người có Giấy phép lái xe quân sự quá thời hạn dưới 03 tháng, bị hỏng hoặc cần thay đổi thông tin trên Giấy phép lái xe quân sự được xét cấp đổi theo quy định;

c) Quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng có giấy phép lái xe dân sự hợp lệ, còn hiệu lực, khi được giao nhiệm vụ lái xe quân sự phải đổi sang Giấy phép lái xe quân sự;

d) Người có Giấy phép lái xe quân sự hợp lệ, còn thời hạn, khi thôi phục vụ trong Quân đội, nếu có nhu cầu và còn đủ sức khỏe theo quy định được đổi sang giấy phép lái xe dân sự theo quy định;

đ) Không đổi Giấy phép lái xe quân sự trong các trường hợp sau: Giấy phép lái xe quân sự tẩy, xóa, rách nát không còn đủ các yếu tố, thông tin hợp lệ; tự ý làm sai lệch thông tin trên Giấy phép lái xe quân sự; Giấy phép lái xe quân sự bị quá thời hạn theo quy định; Giấy phép lái xe quân sự không do cơ quan có thẩm quyền cấp; Giấy phép lái xe quân sự của người không còn phục vụ trong Quân đội.

2. Hồ sơ cấp đổi Giấy phép lái xe quân sự đến thời hạn, quá thời hạn dưới 03 tháng, gồm:

a) Công văn đề nghị đổi Giấy phép lái xe quân sự (có danh sách kèm theo) của cơ quan kỹ thuật hoặc cơ quan hậu cần - kỹ thuật đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe quân sự của cá nhân theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ quy định tại các điểm d, đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

3. Hồ sơ cấp đổi Giấy phép lái xe quân sự do hỏng, sai thông tin, gồm:

a) Công văn đề nghị đổi Giấy phép lái xe quân sự (có danh sách kèm theo) của cơ quan kỹ thuật hoặc cơ quan hậu cần - kỹ thuật đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều này;

c) Bản sao giấy tờ chứng minh thông tin bị sai.

4. Hồ sơ cấp đổi Giấy phép lái xe dân sự sang Giấy phép lái xe quân sự, gồm:

a) Công văn đề nghị đổi Giấy phép lái xe quân sự (có danh sách kèm theo) của cơ quan kỹ thuật hoặc cơ quan hậu cần - kỹ thuật đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều này;

c) Bản sao Căn cước công dân (căn cước) và một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng minh quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng hoặc bản sao một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định nhập ngũ, tuyển dụng, quyết định thăng, phong quân hàm, nâng lương gần nhất còn hiệu lực; bản sao hợp đồng lao động đối với người lao động hợp đồng;

d) Quyết định giao nhiệm vụ lái xe do Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên ký, thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày ký (không áp dụng đối với cán bộ, sĩ quan đổi giấy phép lái xe quân sự để thực hiện nhiệm vụ);

đ) Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình huấn luyện chuyển loại Giấy phép lái xe quân sự do cơ quan hậu cần - kỹ thuật cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng hoặc cơ sở đào tạo lái xe cấp;

e) Bản sao Giấy phép lái xe dân sự hợp lệ, còn hạn sử dụng (bản chính được thu hồi khi đổi Giấy phép lái xe quân sự); nếu giấy phép lái xe do nước ngoài cấp phải có bản dịch công chứng theo quy định.

5. Hồ sơ cấp đổi Giấy phép lái xe quân sự sang Giấy phép lái xe dân sự thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an.

#### 6. Trình tự thực hiện

a) Người có Giấy phép lái xe quân sự nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều này đối với trường hợp đổi Giấy phép lái xe quân sự đến hạn đổi, Giấy phép lái xe quân sự quá hạn sử dụng dưới 03 tháng; hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c khoản 3 Điều này đối với trường hợp đổi Giấy phép lái xe quân sự bị hỏng hoặc sai thông tin; hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 4 Điều này đối với trường hợp đổi Giấy phép lái xe dân sự sang Giấy phép lái xe quân sự cho cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị;

b) Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị theo phân cấp kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo cáo danh sách (kèm theo hồ sơ) gửi cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp, gửi văn bản đề nghị đổi Giấy phép lái xe quân sự (kèm hồ sơ cá nhân) đến Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật qua mạng truyền số liệu quân sự hoặc gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật thẩm định, cấp đổi Giấy phép lái xe quân sự theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện cấp đổi, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật thông báo bằng văn bản gửi cơ quan xe - máy đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng và nêu rõ lý do.

### **Điều 46. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

#### 1. Điều kiện cấp lại Giấy phép lái xe quân sự

Trường hợp Giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn, bị mất dưới 03 tháng, có đủ hồ sơ theo quy định, không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ thì được xét cấp lại.

#### 2. Hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị cấp lại Giấy phép lái xe quân sự (có danh sách kèm theo) của cơ quan hậu cần - kỹ thuật đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Hồ sơ quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 45 Thông tư này;

c) Bản tường trình của cá nhân có xác nhận của công an, chính quyền địa phương hoặc cơ quan, đơn vị nơi cá nhân bị mất Giấy phép lái xe quân sự và được Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xác nhận không bị thu giữ.

#### 3. Trình tự thực hiện

a) Người bị mất Giấy phép lái xe quân sự có đủ điều kiện quy định tại khoản 1, Điều này nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều này cho cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị theo phân cấp kiểm tra hồ sơ, tổng hợp báo

cáo danh sách (kèm theo hồ sơ) gửi cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp, gửi văn bản đề nghị đổi Giấy phép lái xe quân sự (kèm hồ sơ cá nhân) đến Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật qua mạng truyền số liệu quân sự hoặc gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu;

b) Thời gian cấp lại Giấy phép lái xe quân sự sau 15 ngày, kể từ ngày Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật nhận đủ hồ sơ hợp lệ và xác minh Giấy phép lái xe quân sự không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp lại, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật thông báo cho đơn vị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **Điều 47. Thu hồi Giấy phép lái xe quân sự**

1. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có thẩm quyền đề nghị thu hồi Giấy phép lái xe quân sự khi phát hiện có hành vi gian dối, giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự.

2. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi công văn kèm theo Giấy phép lái xe quân sự đề nghị thu hồi về Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị thu hồi, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép lái xe quân sự theo quy định.

### **Chương IV**

#### **BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 48. Điều kiện và hồ sơ dự bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

##### **1. Điều kiện**

a) Quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng đang phục vụ trong Bộ Quốc phòng, được giao nhiệm vụ điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe;

b) Có trong danh sách đề nghị của cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng.

##### **2. Hồ sơ gồm:**

a) Đơn đề nghị dự bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao Căn cước công dân (căn cước) hoặc một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng minh quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng hoặc quyết

định nhập ngũ, tuyển dụng, nâng lương, nâng quân hàm, hợp đồng lao động gần nhất còn hiệu lực;

c) Quyết định giao nhiệm vụ điều khiển xe máy chuyên dùng của Thủ trưởng cấp Trung đoàn và tương đương trở lên;

d) 02 ảnh màu cỡ 2 x 3 cm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

#### **Điều 49. Cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

1. Cơ sở đào tạo người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Quân đội có đủ các điều kiện sau:

a) Có phòng học pháp luật về giao thông đường bộ; đủ tài liệu giảng dạy, sa hình và hệ thống báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định;

b) Giáo viên giảng dạy phải có đủ tiêu chuẩn quy định giảng dạy trình độ sơ cấp và giấy phép lái xe ô tô quân sự.

2. Nhiệm vụ của cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

a) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo chương trình quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo kế hoạch mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ với cơ quan cấp trên và Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật;

c) Tổ chức kiểm tra, cấp chứng chỉ cho người đạt yêu cầu;

d) Lưu trữ hồ sơ và các tài liệu có liên quan đến công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

#### **Điều 50. Chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

| TT | Nội dung                                                                    | Thời gian (giờ) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1  | Pháp luật về giao thông đường bộ                                            | 12              |
| 2  | Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ                                     | 8               |
| 3  | Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ                 | 4               |
| 4  | Quy định về quản lý sử dụng xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ | 4               |
| 5  | Ôn tập và kiểm tra                                                          | 4               |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                            | <b>32</b>       |

#### **Điều 51. Mẫu chứng chỉ và thời hạn sử dụng**

1. Mẫu chứng chỉ theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Chứng chỉ có giá trị không thời hạn.

## **Điều 52. Cấp mới chứng chỉ**

Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Thủ trưởng cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cấp chứng chỉ cho người đạt yêu cầu, báo cáo danh sách về cơ quan xe - máy cấp trên và Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

## **Điều 53. Cấp đổi, cấp lại chứng chỉ**

1. Người có chứng chỉ bị hỏng, bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, được cấp đổi, cấp lại theo số hiệu chứng chỉ đã cấp.

2. Hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ theo quy định tại Mẫu số 11 Phụ lục I kèm theo Thông tư này;

b) Bản tường trình có xác nhận của chỉ huy cơ quan, đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên đối với trường hợp mất chứng chỉ;

c) Giấy giới thiệu của đơn vị quản lý trực tiếp cấp Trung đoàn và tương đương trở lên;

d) 02 ảnh cỡ 2 x 3 theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

3. Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ 01 bộ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ đổi, cấp lại chứng chỉ.

## **Điều 54. Thu hồi chứng chỉ**

1. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng có thẩm quyền đề nghị thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng khi phát hiện có hành vi gian dối, giả mạo hồ sơ, giấy tờ để được cấp, cấp đổi, cấp lại chứng chỉ.

2. Cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải đơn vị đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi công văn kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng đề nghị thu hồi về Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn đề nghị thu hồi, Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật xem xét, quyết định thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định.

## Chương V

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN

#### **Điều 55. Trách nhiệm của Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**

1. Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý công tác quy hoạch, tổ chức hệ thống các cơ sở đào tạo lái xe quân sự; công tác đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Chỉ đạo Cục Xe máy - Vận tải: Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đào tạo lái xe quân sự và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe - máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

#### **Điều 56. Trách nhiệm của Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**

1. Hằng năm, phối hợp với Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu tổng hợp nhu cầu và đề xuất phân bổ chỉ tiêu đào tạo lái xe quân sự. Căn cứ đề nghị của đơn vị, xem xét gửi đào tạo bổ sung ngoài chỉ tiêu được phân bổ để kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Ban hành chương trình chi tiết, tài liệu và hệ thống văn bản, sổ sách nghiệp vụ quản lý đào tạo lái xe quân sự.

3. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và tập huấn nghiệp vụ chuyên môn đối với các cơ sở đào tạo lái xe quân sự; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

4. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát các cơ sở đào tạo lái xe về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, các chế độ nghiệp vụ quản lý đào tạo và sát hạch lái xe quân sự.

5. Cấp giấy phép dạy lái xe cho giáo viên, giấy phép xe tập lái, biển tập lái cho xe tập lái theo quy định.

6. Tổ chức sát hạch, cấp, đổi, cấp lại, thu hồi Giấy phép lái xe quân sự; kiểm tra kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để phục hồi điểm Giấy phép lái xe quân sự.

7. In, phát hành và quản lý việc sử dụng phôi chứng chỉ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng để thống nhất trong toàn quân.

8. Kiểm tra, phúc tra công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cấp chứng chỉ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

#### **Điều 57. Trách nhiệm của cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải các đơn vị**

1. Chịu sự chỉ đạo của Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật về nghiệp vụ đào tạo lái xe quân sự và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

2. Quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra cơ sở đào tạo lái xe quân sự; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cùng cấp về việc thực hiện nội dung, chương trình, quy chế đào tạo; nghiệp vụ quản lý xe - máy và thực hiện các chế độ theo quy định.

3. Tham gia các đợt kiểm tra, giám sát cơ sở đào tạo lái xe; cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo kế hoạch.

4. Đề nghị cấp, đổi, cấp lại Giấy phép xe quân sự cho quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng theo quy định tại Thông tư này.

5. Báo cáo nhu cầu, tiếp nhận, quản lý việc sử dụng phôi chứng chỉ tại cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thuộc phạm vi đơn vị.

#### **Điều 58. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo**

1. Chịu sự chỉ đạo của Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật và cơ quan xe - máy hoặc cơ quan xe máy - vận tải cấp trên về nghiệp vụ đào tạo lái xe quân sự và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

2. Bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch lái xe và quản lý, rèn luyện học viên theo Quy chế quản lý học viên quân sự trong nhà trường Quân đội, Điều lệnh quản lý bộ đội và Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.

3. Thực hiện đúng quy định quản lý, sử dụng trang bị xe - máy thực hiện nhiệm vụ đào tạo, sát hạch lái xe quân sự. Đề nghị cấp giấy phép dạy lái xe cho giáo viên đủ điều kiện, giấy phép xe tập lái, biển "Tập lái" đúng quy định.

4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ đào tạo, sát hạch lái xe và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định tại Thông tư này.

5. Đề xuất với Cục Xe máy - Vận tải/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật và các cơ quan liên quan giải pháp nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch lái xe quân sự và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

#### **Điều 59. Trách nhiệm của cá nhân trong quản lý, sử dụng Giấy phép lái xe quân sự**

1. Người được giao nhiệm vụ điều khiển xe quân sự phải có Giấy phép lái xe quân sự.

2. Người có Giấy phép lái xe quân sự được phép điều khiển những loại xe quy định cho từng hạng ghi trên Giấy phép lái xe quân sự.

3. Giấy phép lái xe quân sự phải được mang theo khi lái xe; có trách nhiệm giữ gìn, sử dụng đúng mục đích. Khi mất hoặc phát hiện có sai lệch thông tin ghi trên Giấy phép lái xe quân sự phải báo cáo kịp thời với các cơ quan chức năng để xem xét, giải quyết theo quy định.

## Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 60. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành:
  - a) Thông tư số 170/2021/TT-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng;
  - b) Thông tư số 86/2023/TT-BQP ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 170/2021/TT-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng.
3. Trường hợp văn bản viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

### **Điều 61. Quy định chuyển tiếp**

1. Giấy phép lái xe quân sự được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trên giấy phép lái xe.
2. Giấy phép lái xe quân sự được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nếu chưa thực hiện đổi, cấp lại theo quy định của Thông tư này có hiệu lực sử dụng như sau:
  - a) Giấy phép lái xe quân sự hạng A1 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 50 cm<sup>3</sup> đến dưới 175 cm<sup>3</sup> hoặc có công suất động cơ điện từ 04 kW đến dưới 14 kW;
  - b) Giấy phép lái xe quân sự hạng A2 được tiếp tục điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh từ 175 cm<sup>3</sup> trở lên hoặc có công suất động cơ điện từ 14 kW trở lên và các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này;
  - c) Giấy phép lái xe quân sự hạng A3 được tiếp tục điều khiển xe mô tô ba bánh, các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe hạng A1 quy định tại điểm a khoản này và các xe tương tự;
  - d) Giấy phép lái xe quân sự hạng B2 được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng B kéo theo một rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

đ) Giấy phép lái xe quân sự hạng C được tiếp tục điều khiển xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên và các loại xe quy định cho các Giấy phép lái xe hạng B2 quy định tại điểm d khoản này; các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng C kéo theo một rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

e) Giấy phép lái xe quân sự hạng D được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người từ 09 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các Giấy phép lái xe hạng B2, C quy định tại các điểm d, đ khoản này; các loại xe ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng D2 kéo theo một rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

g) Giấy phép lái xe quân sự hạng E được tiếp tục điều khiển xe ô tô chở người trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và các loại xe quy định cho các giấy phép lái xe hạng B2, C, D quy định tại các điểm d, đ và e khoản này; các loại ô tô quy định cho Giấy phép lái xe hạng D kéo theo một rơ moóc hoặc vũ khí, khí tài quân sự dạng rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;

h) Giấy phép lái xe quân sự hạng FC được tiếp tục điều khiển các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm đ khoản này khi kéo rơ moóc, khí tài quân sự dạng rơ moóc và ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc, khí tài quân sự dạng sơ mi rơ moóc;

i) Giấy phép lái xe quân sự hạng FX được tiếp tục điều khiển xe xích kéo vũ khí, khí tài quân sự và các loại xe quy định cho Giấy phép lái xe hạng C quy định tại điểm đ khoản này.

3. Trường hợp người có Giấy phép lái xe quân sự đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành khi đổi, cấp lại giấy phép lái xe thì thực hiện như sau:

a) Giấy phép lái xe quân sự hạng A1 được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng A với điều kiện hạn chế là chỉ được điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến dưới 175 cm<sup>3</sup> hoặc có công suất động cơ điện đến dưới 14 kW;

b) Giấy phép lái xe quân sự hạng A2 được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng A;

c) Giấy phép lái xe quân sự hạng A3 được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng B1;

d) Giấy phép lái xe quân sự hạng B2 được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng B hoặc hạng C1;

đ) Giấy phép lái xe quân sự hạng C giữ nguyên và đổi, cấp lại cùng hạng;

e) Giấy phép lái xe quân sự hạng D được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng D2;

g) Giấy phép lái xe quân sự hạng E được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng D;

h) Giấy phép lái xe quân sự hạng FC được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng CE;

i) Giấy phép lái xe quân sự hạng FX được đổi, cấp lại sang Giấy phép lái xe quân sự hạng CX;

4. Người học lái xe đã được đào tạo lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành hoặc đang được đào tạo lái xe tại ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa được sát hạch thì được sát hạch, cấp giấy phép lái xe theo hạng giấy phép lái xe đổi, cấp lại quy định tại khoản 3 Điều này.

#### **Điều 62. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và tổ chức kịp thời phản ánh về Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (qua Cục Xe máy - Vận tải) để tổng hợp, báo cáo theo quy định./. *Đu*

#### **Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng<sup>08</sup>;
- Các bộ: Công an, Giao thông vận tải;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng<sup>67</sup>;
- Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL/Bộ Tư pháp;
- Các cục: C55, C56, C63, C75<sup>03</sup>;
- Công TTĐT Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT, NCTH. Ng88.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Thượng tướng Lê Huy Vịnh**



**MẪU BIỂU NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY  
PHÉP LÁI XE QUÂN SỰ; BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO  
THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

*(Kèm theo Thông tư số 68 /2024/TT-BQP ngày 14 tháng 10 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

- Mẫu 01. Đơn đề nghị học và sát hạch cấp Giấy phép lái xe quân sự.
- Mẫu 02. Giấy chứng nhận sức khỏe.
- Mẫu 03. Bản khai thời gian lái xe và số ki-lô-mét lái xe an toàn.
- Mẫu 04. Đơn đề nghị sát hạch cấp lại Giấy phép lái xe quân sự.
- Mẫu 05. Giấy phép xe tập lái.
- Mẫu 06. Giấy phép dạy lái xe.
- Mẫu 07. Đơn đề nghị đổi, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự.
- Mẫu 08. Giấy phép lái xe bằng vật liệu nhựa tổng hợp.
- Mẫu 09. Đơn đề nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.
- Mẫu 10. Phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.
- Mẫu 11. Đơn đề nghị đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.
- Mẫu 12. Kế hoạch đào tạo lái xe quân sự hạng .... Khóa....
- Mẫu 13. Kế hoạch huấn luyện lái xe mô tô quân sự hạng A1, A

**Mẫu số 01. Đơn đề nghị học và sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Học và sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Cấp bậc:..... Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi thường trú : .....

Tôi đã có GPLX số: .....; Hạng .....; ngày trúng tuyển:.....

Nơi đào tạo:.....

Ngày cấp phép gần nhất:...../...../20..... Thời hạn sử dụng ...../...../20.....

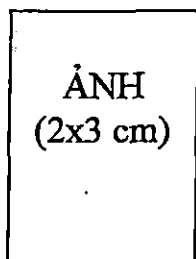
Tôi làm đơn này đề nghị Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải xét cho tôi được đăng ký học và dự sát hạch, cấp Giấy phép lái xe quân sự hạng .....

Tôi xin chấp hành nghiêm các quy định trong học tập, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương  
trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)

.....ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 02. Giấy chứng nhận sức khỏe**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN SỨC KHỎE**  
**(Đối với người điều khiển xe cơ giới)**

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi thường trú: .....

Đơn vị: .....

**I. Tiền sử bệnh lý**

.....

.....

**II. Kết quả khám**

1. Thể lực: Chiều cao:..... m; Cân nặng:.....Kg

Vòng ngực trung bình:..... cm

2. Mắt:

Thị lực: Mắt phải không kính:.....Có kính.....

Mắt trái không kính:..... Có kính.....

Kính loại:..... Số:.....

Bệnh ở mắt: .....

3. Tay, chân:

Tay: { Phải  
Trái

Chân: { Phải  
Trái

4. Tai, mũi, họng:

Tai phải nghe nói thường cách.....m, nghe nói thầm cách .....m;

Tai trái nghe nói thường cách.....m, nghe nói thầm cách .....m;

Bệnh tai: .....

5. Thần kinh:

Động kinh: .....; Tê liệt: .....

Phản xạ { Tay  
Chân

Các bệnh khác về thần kinh:.....

6. Tuần hoàn:

Áp lực động mạch tối đa:.....tối thiểu: .....

Bệnh nghẽn tim (angor pectoris):

Bệnh thiếu năng tim:

Bệnh van tim:

Phồng động mạch (anévrismus aortis)

7. Những bệnh khác:

Hô hấp:

Tiêu hóa:

Sinh dục - tiết niệu:

Các bộ phận khác:.....

**III. Kết luận**

Kết luận rõ có đủ điều kiện sức khỏe để lái xe không? lái được hạng xe nào?

.....  
.....

Làm tại: .....

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương  
trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)*

.....ngày ..... tháng.....năm.....

**BỆNH XÁ TRƯỞNG HOẶC**

**CHỦ NHIỆM QUÂN Y**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 03. Bản khai thời gian lái xe và số km lái xe an toàn**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI**  
**Thời gian lái xe và số km lái xe an toàn**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Sinh ngày.....tháng.....năm.....

Cấp bậc:..... Chức vụ:.....

Đơn vị: .....

Nơi thường trú:.....

Tôi đã có GPLX số: ..... Hạng ..... ngày trúng tuyển:.....

Nơi đào tạo:.....

Ngày cấp GPLX gần nhất:...../...../20..... Thời hạn sử dụng: ...../...../20...

Từ ngày được cấp Giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ..... năm lái xe và có ..... km lái xe an toàn.

Đề nghị Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải cho tôi được học và sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe quân sự hạng .....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương  
trở lên trực tiếp quản lý kỹ, đóng dấu)*

.....ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**NGƯỜI KHAI**  
*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**Mẫu số 04. Đơn đề nghị sát hạch, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Sát hạch, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Cấp bậc:.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi thường trú:.....

Tôi đã có GPLX số: .....; Hạng ..... ngày trúng tuyển:.....

Nơi đào tạo:.....

Ngày cấp GPLX gần nhất:...../...../20..... Hạn sử dụng: ...../...../20.....

Lý do xin sát hạch cấp lại GPLX: .....

Tôi làm đơn này đề nghị Cục trưởng Cục Xe máy - Vận tải xét cho tôi được đăng ký học và dự sát hạch cấp lại Giấy phép lái xe quân sự hạng .....

Tôi xin chấp hành nghiêm các quy định trong sát hạch, cấp giấy phép lái xe.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Thủ trưởng cấp trung đoàn và tương đương  
trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)*

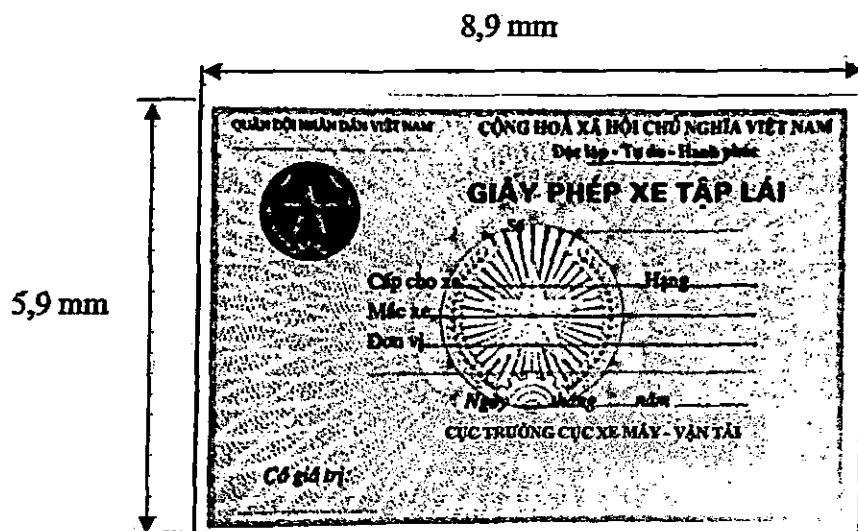
.....ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

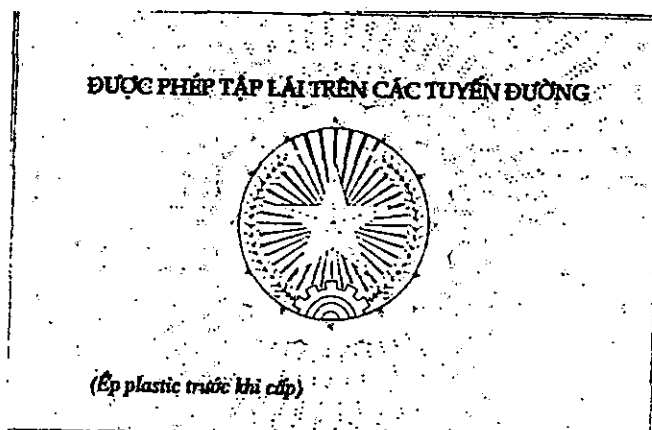
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## Mẫu số 05. Giấy phép xe tập lái

### 1. Mặt trước:



### 2. Mặt sau:

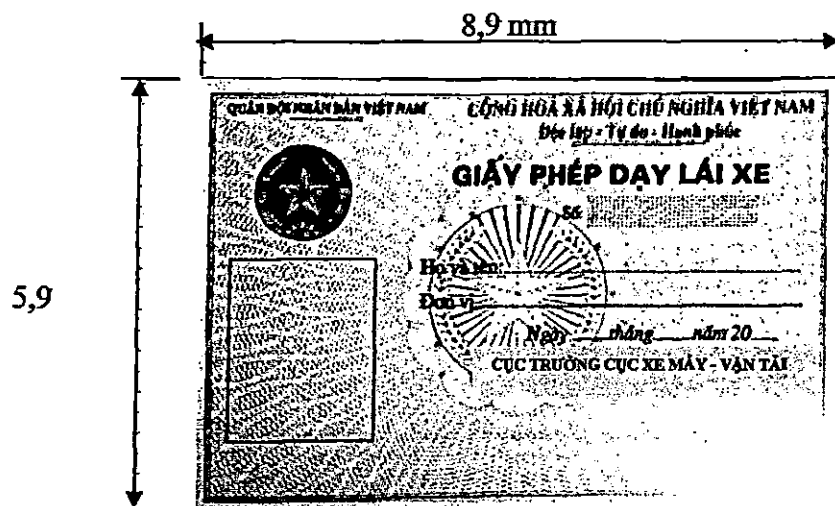


### 3. Quy cách:

- Kích thước: 8,9 x 5,9 x 0,5 mm;
- Phôi giấy phép xe tập lái làm bằng vật liệu giấy;
- In trước hai mặt theo mẫu quy định;
- Giấy phép xe tập lái được ép plastic bằng mẫu giấy ép chuyên dùng của Cục Xe máy - Vận tải trước khi cấp cho người sử dụng.

## Mẫu số 06. Giấy phép dạy lái xe

### 1. Mặt trước:



### 2. Mặt sau:

#### THỜI HẠN SỬ DỤNG VÀ HẠNG XE ĐƯỢC PHÉP DẠY LÁI

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|--|--|--|--|

**Chú ý:** - Có giá trị theo thời hạn sử dụng (1 năm) và hạng xe được phép dạy lái.  
- Khi dạy lái phải mang theo "Giấy phép dạy lái xe" và "Giấy phép lái xe".

### 3. Quy cách:

- Kích thước: 8,9 x 5,9 x 0,5 mm;
- Phôi giấy phép dạy lái xe làm bằng vật liệu giấy;
- In trước hai mặt theo mẫu quy định;
- Ảnh của giáo viên dạy lái xe được dán trên giấy phép dạy lái xe có đóng dấu nổi của Cục Xe máy - Vận tải;
- Giấy phép dạy lái xe được ép plastic bằng mẫu giấy ép chuyên dùng của Cục Xe máy - Vận tải trước khi cấp cho người sử dụng.

**Mẫu số 07. Đơn đề nghị đổi, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp đổi, cấp lại Giấy phép lái xe quân sự**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Cấp bậc:..... Chức vụ:.....

Đơn vị: .....

Nơi thường trú:.....

Số GPLX ..... Hạng ..... Ngày trúng tuyển: .....

Hạng..... Ngày trúng tuyển:.....

Hạng ..... Ngày trúng tuyển: .....

Hạng ..... Ngày trúng tuyển: .....

Đào tạo tại trường:.....

Ngày cấp phép gần nhất: ...../...../20..... Hạn sử dụng: ...../...../20.....

Lý do đổi, cấp lại GPLX: .....

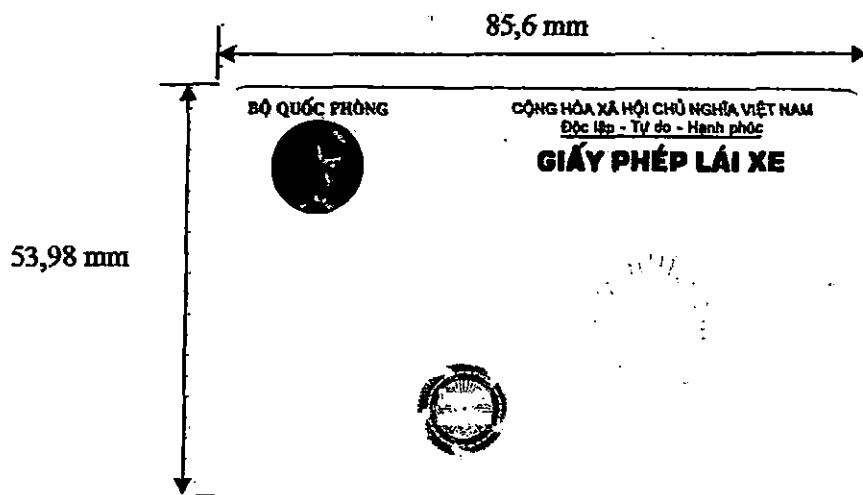
Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Thủ trưởng từ cấp trung đoàn và tương đương trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)*

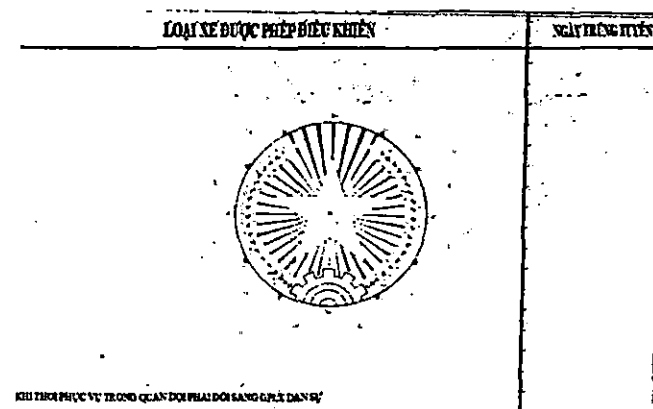
..... ngày.....tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## Mẫu số 08. Giấy phép lái xe bằng vật liệu nhựa tổng hợp

### 1. Mặt trước:



### 2. Mặt sau:



### 3. Quy cách:

- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm;
- Phôi giấy phép lái xe làm bằng vật liệu nhựa tổng hợp Polyethylene terephthalate (PET);
- In trước hai mặt theo mẫu quy định;
- Ảnh của người lái xe được in trực tiếp trên Giấy phép lái xe;
- Giấy phép dạy lái xe được ép plastic bằng mẫu giấy ép chuyên dùng của Cục Xe máy - Vận tải trước khi cấp cho người sử dụng.

**Mẫu số 09. Đơn đề nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Cấp bậc:.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi thường trú:.....

Tôi làm đơn này đề nghị ..... cho tôi được đăng ký bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và dự kiểm tra để cấp Chứng chỉ.

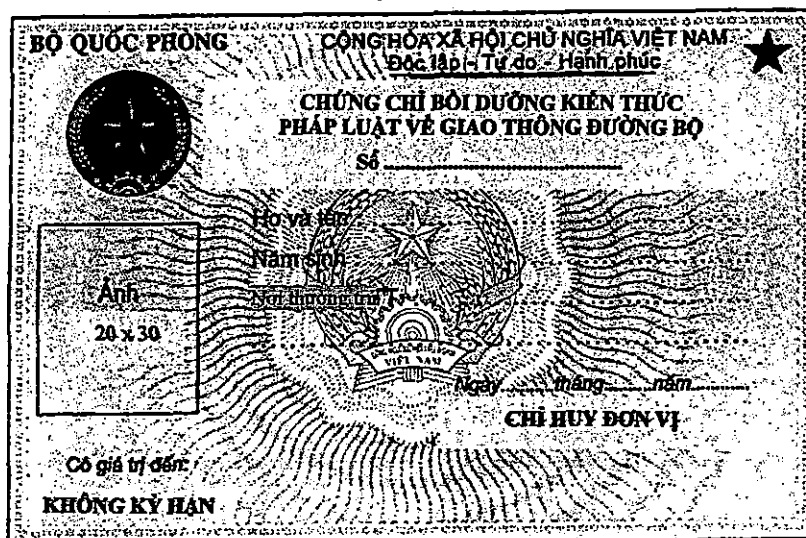
Tôi xin chấp hành nghiêm các quy định trong học tập, kiểm tra.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Thủ trưởng cấp trung đoàn và tương đương  
trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)*

.....ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

## Mẫu số 10. Phôi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

### Mặt trước



### Mặt sau

#### NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

**1. Phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ kiểm tra yêu cầu.**

**2. Nghiêm cấm hành vi tẩy xóa, thay đổi thông tin trên Chứng chỉ.**

**3. Trường hợp mất, hỏng phải làm thủ tục cấp đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ lần đầu**

1. Kích thước thành phẩm: 6 cm x 9 cm;
2. Kỹ thuật bảo vệ:
  - Thiết kế vân nền trên phần mềm bảo an Fotuna;
  - In mực bảo vệ không màu, phát quang dưới đèn UV (quân hiệu, hoa văn phần chữ ký);
  - Ngôi sao in mực Oviei, chuyển màu từ màu đồng sang màu xanh dưới ánh sáng ở góc độ khác nhau.

**Mẫu số 11. Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

Kính gửi: .....

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Cấp bậc:.....; Chức vụ:.....

Đơn vị:.....

Nơi thường trú: .....

.....

Tôi đã có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ số  
..... do ..... cấp ngày .....

Tôi làm đơn này đề nghị ..... cấp đổi (cấp lại) chứng  
chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách  
nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Thủ trưởng cấp trung đoàn và tương đương  
trở lên trực tiếp quản lý ký, đóng dấu)*

.....ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu 12. Kế hoạch đào tạo lái xe quân sự hạng..... Khóa....**

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số:.....

(Địa danh), ngày tháng năm

**KẾ HOẠCH**  
**Đào tạo lái xe quân sự hạng .... Khoá ....**

Căn cứ Thông tư số /2024/TT - BQP ngày / /2024 của Bộ Quốc phòng quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Trường (đơn vị) ..... Báo cáo kế hoạch đào tạo lái xe quân sự hạng .... Khóa ..... như sau:

**1. Tổng số học viên:**

- Học viên chính khóa:.....đồng chí.

- Học viên gửi đào tạo:.....đồng chí.

(có danh sách kèm theo)

**2. Thời gian đào tạo:** Từ ngày.....tháng.....năm..... đến ngày.....tháng.....năm....

- Dự kiến sát hạch cấp GPLX: Ngày.....tháng.....năm.....

**3. Tổ chức biên chế khóa học:**

**4. Công tác bảo đảm:**

a) Bảo đảm phòng học:

b) Bảo đảm xe huấn luyện:

- Xe huấn luyện thực hành lái: ..... (có danh sách xe tập lái kèm theo).

c) Sân bãi tập lái:

- Bãi tập lái hình:

d) Đội ngũ giáo viên:

- Giáo viên Lý thuyết: ..... đồng chí (có danh sách kèm theo);

- Giáo viên thực hành lái xe: ..... đồng chí (có danh sách kèm theo).

e) Các mặt bảo đảm khác:

**5. Lịch huấn luyện toàn khóa (có phụ lục kèm theo).**

**6. Đề nghị: .....**

Nơi nhận:

- .....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Cấp bậc, chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Mẫu 13. Kế hoạch huấn luyện lái xe mô tô hạng ...

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
TÊN CƠ QUAN ĐƠN VỊ  
Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày      tháng      năm

KẾ HOẠCH  
Huấn luyện lái xe mô tô hạng .....

Căn cứ Thông tư số      /2024/TT - BQP ngày / /2024 của Bộ Quốc phòng quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

.....(Đơn vị)..... báo cáo kế hoạch tổ chức huấn luyện cho quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng có nhu cầu dự sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng A1 (A), như sau:

- 1. Thời gian huấn luyện: Từ ngày .... đến ngày....
- 2. Nội dung huấn luyện:

| TT | NỘI DUNG HUẤN LUYỆN                                                            | Số người dự HL | Thời gian, hình thức HL (giờ) |    |    |    |      | Giáo viên | Phương pháp HL |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------|----|----|----|------|-----------|----------------|
|    |                                                                                |                | TS                            | LT | TH | Ôn | KTra |           |                |
| 1  | Luật Giao thông đường bộ Việt Nam                                              |                |                               |    |    |    |      |           |                |
| 2  | Hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam                                            |                |                               |    |    |    |      |           |                |
| 3  | Xử lý tình huống giao thông                                                    |                |                               |    |    |    |      |           |                |
| 4  | Các Nghị định và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giao thông của Chính phủ |                |                               |    |    |    |      |           |                |
| 5  | Quy định của Bộ QP về thực hiện Luật GTĐB                                      |                |                               |    |    |    |      |           |                |
| 6  | Thực hành điều khiển xe mô tô                                                  |                |                               |    |    |    |      |           |                |
| 7  | Hướng dẫn thủ tục, tổ chức thi cấp GPLXQS                                      |                |                               |    |    |    |      |           |                |
|    | Cộng                                                                           |                |                               |    |    |    |      |           |                |

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Cấp bậc, chức vụ, ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC XE MÁY CHUYÊN DÙNG**  
(Kèm theo Thông tư số 63 /2024/TT-BQP ngày 14 tháng 10 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

**I. XE MÁY CHUYÊN DÙNG QUÂN SỰ**

1. Xe khắc phục, bố trí vật cản.
2. Xe vượt sông bánh lốp.
3. Các loại xe máy chuyên dùng quân sự khác.

**II. XE MÁY THI CÔNG**

1. Máy làm đường hầm
  - a) Máy khoan đường hầm;
  - b) Xe vận chuyển đường hầm.
2. Máy làm đất
  - a) Máy đào
    - Máy đào bánh lốp;
    - Máy đào bánh xích;
    - Máy đào bánh hỗn hợp.
  - b) Máy ủi
    - Máy ủi bánh lốp;
    - Máy ủi bánh xích;
    - Máy ủi bánh hỗn hợp.
  - c) Máy cạp;
  - d) Máy san;
  - đ) Máy lu
    - Máy lu bánh lốp;
    - Máy lu bánh thép;
    - Máy lu bánh hỗn hợp.
3. Máy thi công mặt đường
  - a) Máy rải vật liệu;
  - b) Máy thi công mặt đường cấp phối;
  - c) Máy thi công mặt đường bê tông xi măng;
  - d) Máy trộn bê tông át phan;

- đ) Máy tưới nhựa đường;
- e) Máy vệ sinh mặt đường;
- g) Máy duy tu sửa chữa đường;
- h) Máy cào bóc mặt đường.
- 4. Máy thi công nền móng công trình
  - a) Máy đóng cọc;
  - b) Máy ép cọc;
  - c) Máy khoan cọc nhồi.
- 5. Máy xúc
  - a) Máy xúc bánh lốp;
  - b) Máy xúc bánh xích;
  - c) Máy xúc bánh hỗn hợp;
  - d) Máy xúc ủi.
- 6. Các loại xe máy thi công khác.
- 7. Các loại xe máy nâng hàng.
- 8. Các loại xe máy xếp dỡ khác.

### **III. CÁC LOẠI XE MÁY CHUYÊN DỤNG KHÁC**

- 1. Xe chế biến và gia công gỗ cơ động.
- 2. Xe cắt, tia cây.
- 3. Xe máy chuyên dùng trong sân bay, bến cảng, nhà kho.
- 4. Xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp.
- 5. Máy kéo.
- 6. Xe máy thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt./.